

Điều hành chính sách tiền tệ

thực hiện mục tiêu kích cầu

NGĂN CHẶN SUY GIẢM KINH TẾ

PGS.TS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG

Nhiều nghiên cứu cũng như đánh giá của các chuyên gia đều thống nhất chung khi cho rằng, cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay là lớn nhất kể từ cuộc khủng hoảng năm 1929 – 1931. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng kinh tế thập niên 1930 tập trung chủ yếu ở Mỹ và mức độ lan rộng cũng như ảnh hưởng tới kinh tế thế giới chưa nhiều, do mức độ toàn cầu hoá cách đây gần 80 năm chưa lớn, hệ thống tài chính chưa phức tạp và chưa phát triển như hiện nay. Song một số ý kiến bị quan cho rằng, tình hình của Mỹ hiện nay giống với cuộc đại khủng hoảng trong thập niên 1930 hoặc giống với thời kỳ suy thoái của Nhật trong thập niên 1990. Đại khủng hoảng thập niên 1930 làm cho Mỹ mất 10 năm mới đưa mức sản xuất trở lại thời trước khủng hoảng. Nhật cũng mất hơn 10 năm mới ổn định được hệ thống tín dụng và khôi phục nền kinh tế. Từ các so sánh này, nhiều người lo là sự suy thoái hiện nay của kinh tế Mỹ có thể kéo dài tới 10 năm.

So với đại khủng hoảng thập niên 1930, rõ ràng là cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay đang lan rộng và lan rất nhanh ra toàn cầu, trước tiên tập trung là các nền kinh tế lớn, các nền kinh tế lệ thuộc nhiều vào Mỹ. Song cũng chính vì vậy mà hiện nay các đối sách của Mỹ không đơn độc mà có sự hợp tác của những nền kinh tế lớn vì sự phụ thuộc vào nhau, nhất là thị trường tài chính đã lên cao độ. Kinh tế và hệ thống tài chính Mỹ sụp đổ sẽ kéo theo sự bất ổn và các nền kinh tế khác. Hiện nay việc hợp tác đã bắt đầu trong chính sách lãi suất trong điều hành chính sách tiền tệ; đồng thời các nước cũng đưa ra chính sách tài chính mạnh mẽ để chống suy giảm kinh tế, kích cầu tiêu dùng và kích cầu đầu tư.

Nhìn lại trong 80 năm qua, thế giới cũng đã từng chứng kiến những cuộc khủng hoảng ở quy mô hẹp hơn hai cuộc khủng hoảng nói trên. Trong

các năm 1930 – 1931 xảy ra khủng hoảng ngân hàng ở Úc và Đức. Khủng hoảng giá dầu mỏ xảy ra trong các năm 1974, 1978 – 1979. Cuộc khủng hoảng hệ thống tỷ giá ở châu Âu các năm 1992 – 1993. Khủng hoảng đồng Rúp và kinh tế ở Nga các năm 1999 và 2004. Cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế mới nổi, tập trung là ở châu Á các năm 1997 – 1998. Khủng hoảng thị trường bất động sản và hệ thống ngân hàng ở Nhật trong thập niên 1990. Khủng hoảng nợ ở một số nước thuộc châu Mỹ latin, như: Mexico, Argentina,...

Do tính chất cuộc đại khủng hoảng kinh tế thập niên 1930 và các cuộc khủng hoảng sau đó cho đến trước năm 2008 ở mức độ, phạm vi và tính chất khác nhau, nên qua tìm hiểu nhiều tài liệu chưa thấy được mô hình lý thuyết nào được xây dựng về các giải pháp để giải cứu nền kinh tế. Bài học kinh nghiệm chung về giải pháp đưa ra để cứu nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng trước đây cũng như hiện nay tập trung vào chính sách tài chính và chính sách tiền tệ.

Trong hơn một năm qua, kinh tế thế giới cũng như ở VN diễn biến hết sức phức tạp, có những thay đổi lớn, đột ngột và bất ngờ. Chính phủ, Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính các nước đang từ chỗ phải thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá thắt chặt để kiềm chế lạm phát cao, đã nhanh chóng phải chuyển kịp thời sang thực hiện nới lỏng tiền tệ, linh hoạt chính sách tài chính ngăn chặn suy giảm kinh tế.

Tại VN, điều hành chính sách tiền tệ và chính sách tài chính cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó. Riêng về chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước đã có những phản ứng linh hoạt phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô. Nếu như trong 8 tháng đầu năm 2008, Ngân hàng Nhà nước (Ngân hàng Trung ương) thường xuyên phải tăng các loại

lãi suất chủ đạo, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc,... thì từ giữa quý IV năm 2008 đến nay, việc điều hành đã và đang diễn ra ngược lại.

Giải pháp nới lỏng chính sách tiền tệ và kích cầu nền kinh tế

Cho đến nay, các tài liệu chính thức của cơ quan quản lý nhà nước không nhắc đến cụm từ nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng khi nhìn vào các quyết định, các biện pháp được đưa ra trong điều hành về liên tục cắt giảm lãi suất chủ đạo, trong đó có lãi suất cơ bản, cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc,... về góc độ nghiên cứu, cũng như thông lệ thì rõ ràng là nới lỏng chính sách tiền tệ. Nới lỏng được đề cập ở đây không có nghĩa là "lỏng lẻo", thả lỏng hay nới lỏng trong quản lý cho vay, mà là giảm lãi suất, giảm chi phí và tạo điều kiện cho NHTM mở rộng tín dụng có hiệu quả đối với nền kinh tế.

Thực ra các quyết định nới lỏng chính sách tiền tệ được đưa ra từ cuối tháng 11/2008 và tính đến đầu tháng 2/2009, tức chỉ trong khoảng thời gian hơn 2 tháng, Ngân hàng Nhà nước đã có 4 quyết định theo hướng này. Các loại lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được điều chỉnh giảm mạnh. Riêng lãi suất cơ bản từ mức 12%/năm đầu tháng 11/2008 đến đầu tháng 2/2009 đã giảm xuống còn 7%/năm, giảm mạnh so với mức đỉnh vào 14%/năm thời điểm tháng 6/2008. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cũng giảm từ trên 10%/năm xuống còn 5%,... Gần đây nhất là ngày 23/1/2009, Thống đốc NHNN tiếp tục ban hành một loạt quyết định theo hướng nới lỏng chính sách tiền tệ, thực hiện các giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng bền vững, đảm bảo an sinh xã hội,... theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP, ngày 11/12/2008 của Chính phủ. Các quyết định này có hiệu lực thi hành từ 1/2/2009. Theo đó bên cạnh lãi suất cơ bản giảm xuống 7%/năm, thì lãi suất tái cấp vốn giảm xuống còn 8%/năm và lãi suất tái chiết khấu giảm còn 6%/năm. Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán bù trừ giảm xuống còn 8%/năm. Lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN giảm từ 8,5%/năm xuống còn 3,6%/năm.

Cùng với việc thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, về cơ chế, thực hiện các giải pháp kích cầu do tác động của khủng hoảng tài chính thế giới, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 131, ngày 23/1/2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các

tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất được hỗ trợ là 4%/năm, với thời hạn tối đa là 8 tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 1/2/2009. Dự kiến, ngân sách nhà nước sẽ chi ra khoảng 17.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 1 tỷ USD cho giải pháp kích cầu này.

Tác động của nới lỏng chính sách tiền tệ và giải pháp kích cầu đầu tư

Sau các quyết định nói trên, lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay đến nay đã giảm thấp hơn các mức trước khi thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát. Không những vậy, đây là mức lãi suất thấp nhất trong hoạt động ngân hàng trong hàng chục năm qua ở nước ta. Lãi suất huy động vốn đồng VN của các NHTM giảm xuống còn 7 - 8%/năm; huy động vốn USD còn 4 - 4,5%/năm; lãi suất cho vay đồng VN tối đa chỉ còn 10,5%/năm; lãi suất cho vay USD còn 4,5 - 5,5%/năm, thậm chí còn thấp hơn. Một số NHTM cổ phần đưa ra mức lãi suất cho vay nội tệ sau hỗ trợ lãi suất chỉ còn 1,2% - 1,5%/năm, tất nhiên với điều kiện là áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện đảm bảo bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ hàng xuất khẩu.

Về mặt dự báo hiệu quả của giải pháp nói trên, với tính toán dựa trên Quyết định 131 của Chính phủ thì mỗi tháng ngân sách nhà nước chi ra khoảng 2.125 tỷ đồng hỗ trợ lãi suất, với mức lãi suất 0,334%/tháng được hỗ trợ, tương ứng với 636.200 tỷ đồng dư nợ bình quân mỗi tháng kéo dài trong 8 tháng của khách hàng vay vốn được thụ hưởng từ khoản tiền kích cầu này của Chính phủ. Số dư nợ đó ước tính chiếm khoảng 50% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế hiện nay của hệ thống ngân hàng. Như vậy nếu số tiền trên của ngân sách nhà nước được chi ra đầy đủ và đương nhiên hệ thống ngân hàng đạt được mức dư nợ đó thì thực sự là có ý nghĩa rất lớn đối với nền kinh tế về mặt duy trì tăng trưởng cũng như ý nghĩa về mặt tạo công ăn việc làm, ngăn chặn nguy cơ thất nghiệp, thiếu việc làm,...trong cả nước.

Với hai giải pháp nói trên, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại đối với doanh nghiệp nói riêng và khách hàng nói chung thực tế tối đa chỉ còn 6,5%/năm, tương đương 0,54%/tháng. Có thể nói mức lãi suất này thấp ngang bằng lãi suất quốc tế và chỉ tương đương lãi suất vay USD ở nước ta. Tuy nhiên trong thực tế nhiều NHTM công bố lãi suất cho vay thấp hơn giới hạn nói

trên, chỉ khoảng 4%/năm, thậm chí lãi suất cho vay USD chỉ còn 1,5 - 2%/năm!

Hai giải pháp nói trên về chính sách tiền tệ được kết hợp chặt chẽ với chính sách tài chính quốc gia, thông qua 4 nhóm giải pháp cụ thể sau đây:

Một là ngay từ đầu tháng 2/2009, ngành thuế tập trung xử lý việc giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV/2008 và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009, giãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 tháng đối với thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hai là giảm 50% thuế giá trị gia tăng cho 19 nhóm mặt hàng, dịch vụ.

Ba là, hỗ trợ lương thực, giống cây trồng, vật nuôi, chi phí sửa chữa nhà ở, phòng trừ dịch bệnh, bảo đảm không để tình trạng người dân bị đói và nhanh chóng khôi phục sản xuất sau lũ lụt.

Bốn là tăng thêm dự trữ quốc gia về lương thực, thực hiện các chương trình giảm nghèo. Bố trí đủ vốn cho chương trình tín dụng đối với hộ nghèo; học sinh và sinh viên vay vốn học tập; cũng như chương trình tín dụng cho các đối tượng chính sách xã hội khác.

Mục đích của chính sách tài chính cũng là giảm chi phí, tăng thêm nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp, kích thích tiêu dùng và đầu tư, với kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đến tăng trưởng kinh tế. Đồng thời tăng cường bảo đảm an sinh xã hội.

Cũng xin được nhắc lại là điều hành chính sách tiền tệ, điều hành chính sách tài chính và giải pháp kích cầu nói trên của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước, của Bộ Tài chính là phù hợp với xu hướng chung của thế giới để nhằm chống suy giảm kinh tế do tác động của khủng hoảng tài chính. Chính sách tiền tệ và chính sách tài chính được tiến hành đồng thời, phối hợp chặt chẽ với nhau. Nhưng hiệu quả của các giải pháp trên còn tùy thuộc vào sự hấp thụ vốn của doanh nghiệp, vào triển khai của các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan trong thực tế.

Một số ý kiến khác có thể cho rằng, khó khăn của doanh nghiệp có thể kéo dài đến hết năm 2009 và đầu năm 2010, chứ không chỉ nằm trong 8 tháng. Song nguồn lực tài chính chỉ ra 17.000 tỷ đồng, tương đương 1 tỷ USD để hỗ trợ lãi suất

cho doanh nghiệp đương nhiên là từ ngân sách nhà nước. Tất nhiên trước mắt hàng tháng Ngân hàng Nhà nước tạm ứng 80% số lãi suất hỗ trợ để chi trả trực tiếp cho NHTM, sau đó làm các thủ tục quyết toán với Bộ Tài chính, nhưng nguồn gốc rõ ràng là từ ngân sách nhà nước. Số tiền này cộng với số giảm thuế thu nhập có nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp, tăng chi cho một số lĩnh vực an sinh xã hội khác là con số khá lớn trong điều kiện cân đối ngân sách của nước ta hiện nay.

Một lo ngại không phải không có cơ sở, đó là trong vòng 8 tháng từ nay đến cuối năm 2009 có đưa được đủ số vốn rất lớn nói trên cho các doanh nghiệp, hộ gia đình vay; đồng thời đảm bảo đúng đối tượng là hoàn toàn không dễ dàng. Điều này còn được xét trong bối cảnh khó khăn với sức hấp thụ vốn của nền kinh tế hiện nay.

Phải thừa nhận một thực tế là, từ bài học của cuộc khủng hoảng tín dụng cho vay dưới chuẩn mua nhà ở tại Mỹ đã dẫn đến khủng hoảng tài chính toàn cầu, nên các NHTM ở VN hiện nay cũng không dám cho vay dưới chuẩn, không coi nhẹ bất kỳ điều kiện vay vốn nào. Thậm chí là trong bối cảnh có nhiều tiềm ẩn rủi ro tín dụng hiện nay, nhiều NHTM thắt chặt chặt chẽ hơn, xem xét kỹ lưỡng báo cáo tài chính, đặc biệt là báo cáo chu chuyển tiền tệ, lịch sử thanh toán, khả năng tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ, thu nhập tương lai,...Do đó trong một khoảng thời gian không dài không phải tất cả các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đều có cơ hội tiếp cận khoản vay hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Mặc dù hiện nay các NHTM đang cạnh tranh với nhau, tranh thủ và chủ động tìm kiếm khách hàng để cho vay trong khoảng thời gian được hỗ trợ lãi suất.

Những vấn đề đặt ra trong thực tiễn

Xét riêng trên góc độ chính sách tiền tệ, cơ chế hỗ trợ lãi suất 4%/năm như trên đang nảy sinh một số bất cập.

Về mặt chính sách, Chính phủ chủ trương giới hạn đối tượng tổ chức tín dụng cung ứng vốn tín dụng được hỗ trợ 4%/năm chỉ áp dụng đối với các khoản cho vay của ngân hàng thương mại, Quỹ Tín dụng Trung ương, còn khách hàng vay vốn các công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, ngân hàng chính sách xã hội thì không được hưởng.

Nhưng trong thực tế hiện nay có số lượng khá doanh nghiệp, hộ gia đình vay vốn của các tổ chức

tín dụng nói trên, bao gồm: công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, nên có thể họ sẽ chuyển sang vay vốn các NHTM để được hỗ trợ 4% lãi suất. Bởi vậy các TCTD này mất khách hàng, một bất lợi trong cạnh tranh cũng như hạn chế tính hiệu quả chính sách kích cầu của Chính phủ.

Đối với riêng hàng triệu hộ gia đình vay vốn của ngân hàng chính sách xã hội chủ yếu là hộ nghèo, vay vốn cho con em đi học tập tại các trường đại học, cao đẳng; vay vốn đi xuất khẩu lao động; chương trình cho vay ưu đãi giải quyết việc làm,...thì lại tiếp tục phải chịu lãi suất vay vốn hiện hành, cao hơn rất nhiều so với mức lãi suất tối đa chỉ có 6,5%/năm của các đối tượng vay vốn của NHTM được hỗ trợ lãi suất theo chương trình kích cầu. Như vậy chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ gia đình chính sách không còn ý nghĩa về mặt lãi suất phải trả!

Hiện nay cũng có số lượng đông đảo hộ gia đình ở nông thôn đang vay vốn quỹ tín dụng nhân dân họ không dễ dàng gì chuyển sang vay vốn tại NHTM, cho dù ngay cả là các chi nhánh NHNN&PTNT có mạng lưới rộng khắp trong cả nước; trong số này không ít là hộ đồng bào dân tộc. Còn nhớ lại cách đây vài năm, với chính sách miễn giảm lãi suất cho hộ dân vay vốn trồng cà phê ở Tây Nguyên, lúc đầu chỉ áp dụng đối với các NHTM, sau đó từ bất hợp lý trong thực tế, chính sách này đã phải điều chỉnh áp dụng cả đối với quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Nếu các hộ gia đình chuyển mạnh sang vay vốn NHTM để được hưởng hỗ trợ lãi suất mà không vay vốn quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, sẽ làm xáo trộn hoạt động, ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ thống gồm hơn 1.000 quỹ tín dụng trong cả nước.

Cũng về mặt chính sách, chủ trương Chính phủ là giới hạn đối tượng được hỗ trợ lãi suất chỉ bao gồm các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân vay vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, tức trực tiếp tạo ra sản phẩm, trực tiếp góp phần tạo ra tăng trưởng kinh tế, tạo số đông việc làm cho người lao động. Còn các trường hợp cho vay tiêu dùng, vay đời sống, kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán, khai thác khoáng sản...thì không thuộc đối tượng được hưởng chính sách được hỗ trợ lãi suất 4%/năm. Song một vấn đề khác cũng rất đáng quan tâm từ việc triển khai chính sách trong thực tế đó là đối với các hộ gia đình ở cả nông thôn và thành thị, vay vốn tiêu dùng sử dụng tiền vay để mua ô tô vận tải, mua xe máy,

mua xe ô tô con... nhưng thực tế được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, vận tải vật tư, hàng hoá, chở khách,...; hoặc khai thác đá, cát sỏi cho thi công xây dựng công trình giao thông, xây dựng nhà,...thì lại không được hỗ trợ lãi suất.

Một thực tế khác cũng phát sinh từ đối tượng vay vốn, đó là với số tiền nhận về, lúc đầu người vay sử dụng đúng mục đích, nhưng sau đó thu hồi được vốn về không trả nợ ngân hàng mà tiếp tục sử dụng cho mục đích khác không thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất, ngân hàng thương mại khó mà theo dõi sát được suốt thời gian sử dụng vốn của khách hàng, nhất là ở nông thôn với địa bàn rộng lớn và một cán bộ tín dụng phụ trách tới hơn 500 - 600 hồ sơ tín dụng, thậm chí hơn 1.000 hộ vay vốn. Hoặc là một món vay của hộ nông dân thường được sử dụng tổng hợp cho nhiều mục đích khác nhau, tỷ trọng lớn số vốn vay đầu tư đúng mục đích và một tỷ lệ khác thì sử dụng vào nhu cầu tiêu dùng. Những trường hợp đó khi NHNN kiểm tra phát hiện, xử lý thì thật là phức tạp, khó khăn cho NHTM.

Trong số 13 khoản vay không được hỗ trợ lãi suất thì có khoản cho doanh nghiệp vay nhập khẩu hàng hoá tiêu dùng. Nhưng ví dụ như nhập khẩu đường ăn là mặt hàng tiêu dùng, nhưng được sử dụng cho sản xuất bánh kẹo thì đường lại là nguyên liệu sản xuất, vậy NHTM sẽ xử lý ra sao!

Cũng ở nông thôn, hiện có trên 11 triệu hộ gia đình vay vốn các NHTM, nhưng có những khoản vay vài trăm nghìn đồng hay vài triệu đồng, lãi suất phải trả hàng tháng chỉ có vài chục nghìn đồng hay hơn 100.000 đồng, nhưng với rất nhiều thủ tục giấy tờ kể cả người vay và ngân hàng cho vay phải lập, vừa tốn kém thời gian, vừa tốn kém chi phí ấn chỉ, giấy tờ, tăng thêm chi phí cho ngân hàng.

Những vấn đề trên đứng ở góc độ nghiệp vụ, cơ chế chính sách của ngân hàng, nếu không có hướng dẫn cụ thể, tháo gỡ vướng mắc kịp thời thì rõ ràng ảnh hưởng đến hiệu quả của giải pháp lớn mà Đảng, Chính phủ đưa ra.

Về quan điểm và nhận thức cũng cần thấy rằng, chính sách kích cầu đầu tư thông qua hỗ trợ lãi suất đó của Nhà nước chỉ có tác dụng làm giảm chi phí vốn vay đầu tư cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh, chứ không quyết định đến hiệu quả kinh doanh. Vấn đề quan trọng ở chỗ là thị trường tiêu thụ, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, là trình độ quản trị điều hành, tổ chức sản

xuất, kinh doanh, làm dịch vụ của người sử dụng vốn. Đó cũng còn là khả năng tài chính và tính lành mạnh tài chính của doanh nghiệp. Vấn đề quan tâm hàng đầu của NHTM đó là khoản cho vay có hiệu quả, thu hồi đủ cả gốc và lãi đúng hạn, chứ không phải là khoản hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Do đó trong hoạt động cho vay, NHTM vẫn tôn trọng đầy đủ các quy trình tín dụng, chấp hành các nguyên tắc tín dụng. Nếu như doanh nghiệp không có thị trường tiêu thụ, làm ăn thua lỗ, năng lực tài chính kém, nợ quá hạn ngân hàng và nhiều khoản nợ khác, thì đương nhiên là không được vay vốn NHTM và không được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất.

Chính sách tiền tệ nới lỏng và kích cầu lãi suất được thực hiện có hiệu quả, cùng với chính sách tài chính sẽ giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp trong điều kiện khó khăn do tác động của khủng hoảng tài chính. Bởi vì doanh nghiệp, hộ kinh doanh vừa giảm được giá thành, vừa giảm bớt khó khăn về tài chính, duy trì được khả năng sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, mạnh dạn đầu tư, ngăn chặn nguy cơ cho người lao động nghỉ việc, giảm nguy cơ thất nghiệp, đương nhiên là góp phần giảm các khoản chi khác từ ngân sách nhà nước. Hiệu ứng của chính sách tiền tệ nới lỏng và kích cầu về lãi suất là rất lớn. Song với chính sách tài chính nới lỏng cũng tạo điều kiện duy trì sức mua của người dân, tăng cầu của các chương trình chi tiêu từ nguồn vốn ngân sách, tác động lại môi trường tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên để đảm bảo tính hiệu quả của cả hai chính sách nói trên thì cần tháo gỡ những vướng mắc đặt ra trong thực tiễn.

Giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính – tiền tệ kích cầu đầu tư

Một là cần áp dụng việc hỗ trợ lãi suất cho tất cả các loại hình tổ chức tín dụng cho vay vốn khách hàng, bao gồm cả công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, công ty cho thuê tài chính, ngân hàng chính sách xã hội.

Hai là tất cả các nhu cầu vay vốn ở nông thôn của hộ gia đình, hộ nông dân, kể cả vay tiêu dùng, cũng cần được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất 4%/năm. Tất nhiên là loại trừ khoản vay đầu tư chứng khoán, đầu tư bất động sản.

Ba là cần có chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp mức độ cao hơn đối với các NHTM. Tạo điều kiện cho các NHTM có năng lực tài chính ổn định, cũng là tạo điều kiện phát triển

hệ thống tài chính – tiền tệ vững mạnh, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Bốn là cần tăng cường kích cầu đầu tư đối với hộ nông dân, hộ gia đình ở nông thôn thông qua việc mở rộng tín dụng hộ sản xuất, tăng cao nguồn vốn cấp cho ngân hàng chính sách xã hội để mở rộng cho vay gia đình chính sách. Bởi vì nhân khẩu nông thôn chiếm tới gần 80% dân số cả nước, nên kích cầu vào đối tượng này tạo sức mua rất lớn cho xã hội. Đồng thời tạo điều kiện mở rộng việc làm ở nông thôn, phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, sản xuất các mặt hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ cho xuất khẩu.

Năm là tiêu dùng là lĩnh vực quan trọng trong kích cầu nền kinh tế, nhưng trong xu hướng giảm lãi suất, thì lãi suất cho vay tiêu dùng và thấu chi qua thẻ tín dụng lại được phép thực hiện theo lãi suất thoả thuận, tức là không bị ràng buộc bởi giới hạn cho vay không quá 150% lãi suất cơ bản quy định trong Luật dân sự. Do đó nhiều NHTM cho vay hai đối tượng này lên tới 13 – 14%/năm, thậm chí lên tới 15%/năm. Với lãi suất đó hạn chế nhu cầu vay tiêu dùng, hạn chế việc kích thích tiêu dùng cá nhân. Vì vậy cần thực hiện thống nhất, nhất quán quy định về lãi suất trong luật dân sự.

Sáu là tập trung tháo gỡ sự trì trệ của các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và các dự án khác. Nếu tháo gỡ kịp thời, chỉ đạo kiên quyết tiến độ thực hiện dự án, làm đồng bộ khâu giải phóng mặt bằng, sẽ cho phép giải ngân một lượng lớn số vốn đầu tư của cả ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác của chủ dự án, vốn tín dụng ngân hàng, ước tính lên tới hàng nghìn tỷ đồng, thậm chí hàng chục nghìn tỷ đồng. Trong số đó có những dự án kéo dài tới vài năm, thậm chí trên 10 năm đến nay vẫn triển khai ì ạch do công tác giải phóng mặt bằng. Trên cơ sở đó tạo nhu cầu tiêu thụ khối lượng lớn vật tư, nguyên nhiên vật liệu và tạo số đông việc làm cho người lao động. Một vấn đề quan trọng khác là phát huy hiệu quả vốn đầu tư của dự án tại các giai đoạn trước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lưu thông hàng hoá■

Tài liệu tham khảo:

- Các trang web: www.sbv.gov.vn; mof.gov.vn.
- Trang web của một số NHTM,...
- Ngân hàng Nhà nước (2009), *Chính sách tiền tệ ở các NHTW trong thời kỳ khủng hoảng tài chính*, tài liệu hội thảo, 2/2009